

Thực trạng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của người lao động thuộc khu vực hợp tác xã tại Việt Nam

Mai Thị Dung

Khoa Bảo hiểm, Trường Đại học Lao động- Xã hội

Trần Thị Hạnh

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Lao động- Xã hội

Lao động làm việc trong hợp tác xã là những nhóm lao động đặc thù, có điều kiện làm việc dễ gặp rủi ro trong quá trình lao động như ốm đau, tai nạn lao động. Do đó việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội bắt buộc cho đối tượng thuộc diện tham gia hiện tại và mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là cần thiết. Bài viết khái quát quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với người lao động thuộc khu vực hợp tác xã, phân tích thực trạng và trên cơ sở đó đề xuất giải pháp nhằm gia tăng số lao động thuộc khu vực hợp tác xã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

1. Đặt vấn đề

Hợp tác xã là thành phần kinh tế quan trọng đối với nền kinh tế. Tại Việt Nam, theo số liệu của Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, đến ngày 31/12/2021, cả nước có 26.823 hợp tác xã (gấp 2,5 lần so với năm 2001); 120.319 tổ hợp tác, 106 liên hiệp hợp tác xã. Hiện nay, khu vực hợp tác xã đang sử dụng gần 7 triệu thành viên, gần 1,3 triệu người lao động thường xuyên. Tuy nhiên, tỷ lệ thực tế tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của hợp tác xã cho các thành viên và người lao động của mình rất thấp, chỉ bằng 0,6% tổng số thành viên hợp tác xã và 1,66% tổng số lao động thường xuyên trong các hợp tác xã [Bảo hiểm xã hội Việt Nam, 2020]. Mặt khác, theo quy định của pháp luật, một số nhóm thành viên hợp tác xã và người lao động trong khu vực này chưa thuộc diện điều chỉnh của pháp luật về bảo hiểm xã hội bắt buộc, trong đó có những người quản lý, điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương.

Với thực trạng trên, nghiên cứu này sẽ đánh giá thực trạng tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động khu vực hợp tác xã. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất giải pháp về chính sách bảo hiểm xã hội và tổ chức thực hiện của cơ quan bảo hiểm xã hội nhằm tăng cường đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trong thời gian tới.

2. Quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với người lao động khu vực hợp tác xã

Chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động thuộc khu vực hợp tác xã được thực hiện theo hướng ngày càng mở rộng diện bao phủ và đảm bảo tốt hơn quyền lợi của người tham gia. Từ khi Bảo hiểm xã hội Việt Nam được thành lập đến trước năm

2003, chính sách bảo hiểm xã hội được thực hiện theo Điều lệ bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ. Trong giai đoạn này, khu vực hợp tác xã không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật bảo hiểm xã hội. Do đó, những người quản lý điều hành (cả hưởng lương và không hưởng tiền lương) và người lao động làm việc cho các hợp tác xã không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Năm 2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 01/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2003 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ bảo hiểm xã hội đã mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến những người lao động và người quản lý điều hành làm việc theo hợp đồng lao động. Tuy nhiên, quy định giới hạn điều kiện tham gia là hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc có thời hạn từ 3 tháng trở lên. Đồng thời, một số đối tượng đặc thù trong hợp tác xã không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc bao gồm: (i) người quản lý điều hành hợp tác xã do đại hội xã viên bầu; (ii) các xã viên hợp tác xã không tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh. Diện bao phủ này được giữ nguyên trong Luật bảo hiểm xã hội năm 2006.

Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 thay thế Luật bảo hiểm xã hội 2006 đã mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đến những người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng (áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2018). Nội dung chi tiết quy định của pháp luật về đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc bao gồm:

- Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một

công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng, kể cả hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định của pháp luật về lao động; (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016)

- Người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng; (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018)

Nói cách khác, quy định tại Luật BHXH 2014, đã nói lỏng điều kiện tham gia bảo hiểm xã hội với đối tượng là người lao động; đồng thời hoàn thiện quy định đối với đối tượng là cán bộ quản lý, điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương. Bên cạnh đó, Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 cũng đã quy định chính sách hỗ trợ tiền đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, trong đó xã viên, người lao động thuộc hợp tác xã không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Có thể nói, chính sách bảo hiểm xã hội đối với người làm việc trong các hợp tác xã được ban hành kịp thời, phù hợp với quá trình phát triển của kinh tế hợp tác và điều kiện, nhu cầu của người lao động, góp phần mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo vệ người lao động và thân nhân của họ trước các rủi ro trong quá trình sản xuất và tích lũy để nhận lương hưu khi hết tuổi lao động.

3. Thực trạng tham gia bảo hiểm xã hội khu vực hợp tác xã tại Việt Nam.

3.1. Thực trạng lao động khu vực hợp tác xã

Thời gian qua, cùng với việc triển khai đồng bộ nhiều giải pháp bao gồm: thành lập mới, tái cơ cấu các hợp tác xã đang hoạt động, tổ chức sản xuất theo mô hình hợp tác xã kiểu mới,...khu vực hợp tác xã đã có sự gia tăng về cả số lượng, kết quả hoạt động kinh doanh; số lượng lao động làm việc, tiền lương của người lao động (bao gồm lao động thường xuyên và không thường xuyên). Những yếu tố này đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội đối với người lao động làm việc trong các hợp tác xã.

Đến hết năm 2021, cả nước thành lập mới 2.283 hợp tác xã (bao gồm cả tổ hợp tác), trung bình mỗi tỉnh có khoảng 36 hợp tác xã, tăng 7 % so với năm 2020. Về tổng số thành viên, khu vực hợp tác xã thu hút gần 7 triệu thành viên, tăng hơn 23.453 thành viên so với năm 2020, thu hút 33% tổng số hộ gia đình ở địa bàn nông thôn tham gia. Về tổng số lao động, hiện có 1,3 triệu lao động. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, so với năm 2020, cả nước có hơn 41,6% hợp tác xã giảm doanh thu và lợi nhuận; 42,8% lao động bị cắt giảm, nghỉ việc không lương.

3.2. Thực trạng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc

Về số hợp tác xã và lao động thuộc hợp tác xã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc

Sự gia tăng số hợp tác xã, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các hợp tác xã, từ đó nâng cao thu nhập cho người lao động, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc tham gia bảo hiểm xã hội đối với người lao động làm việc trong các hợp tác xã.

Bảng 1: Số hợp tác xã và lao động hợp tác xã tham gia bảo hiểm xã hội, 2017-2021

	2017	2018	2019	2020	2021*
Số hợp tác xã tham gia BHXH	6.311	6.626	6.934	7.451	5.688
Tốc độ tăng/ giảm	-	4,99%	4,65%	7,46%	-23,66%
Số lao động tham gia BHXH	42.636	43.103	42.851	41.560	37.646
Tốc độ tăng/ giảm	-	1,10%	-0,58%	-3,01%	-9,42%

Ghi chú: * số liệu năm 2021 tính đến tháng 10/2021

Nguồn: Bảo hiểm xã hội Việt Nam

Số liệu thống kê từ bảng trên cho thấy năm 2020 tại Việt Nam, số hợp tác xã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là 7.451 đơn vị chiếm 28,61% số hợp tác xã, số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thuộc hợp tác xã là 41.560 người, thực tế chỉ chiếm dưới 2% số lao động thường xuyên tại hợp tác xã. Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, ở thời điểm tháng 10/2021, số người tham gia bảo hiểm xã hội thuộc hợp tác xã là 37.646 người (giảm 9,4% so với cuối năm 2020), số hợp tác xã tham gia bảo hiểm xã hội là 5.688 đơn vị (giảm 23,66% so với cuối năm 2020). Có thể thấy, số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thuộc các hợp tác xã còn có xu hướng không ổn định, tăng, giảm theo từng năm. Bình quân số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc bình trên mỗi đơn vị hợp tác xã cũng đang có xu hướng giảm dần.

Về mức tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Mức tiền lương/ thu nhập của người lao động có sự khác biệt nhiều ở các loại hình hợp tác xã. Nhìn chung, loại hình hợp tác xã dịch vụ, như hợp tác xã vận tải, y tế hoặc tín dụng có thể tạo được thu nhập bình quân từ 8 triệu đến 12 triệu đồng/tháng/người lao động. Người lao động làm việc trong hợp tác xã công nghiệp và xây dựng thấp hơn một chút với 4,5 đến 5,5 triệu đồng/tháng. Ngược lại, các hợp tác xã nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt mức thấp nhất với xấp xỉ 1,7 triệu đồng – chỉ cao hơn mức lương cơ sở 20% và thấp hơn rất nhiều so với mức lương tối thiểu vùng IV cùng năm là 2.760.000 đồng. Với mức thu nhập bình quân tháng hiện nay của một lao động làm việc trong các hợp tác xã, đặc biệt ở các hợp tác xã nông nghiệp, việc đóng bảo hiểm xã hội là khá khó khăn.

So với mức tiền lương của người lao động nói chung, mức bình quân tiền lương làm căn cứ đóng

bảo hiểm xã hội bắt buộc của người thuộc hợp tác xã thấp hơn. Mức tăng tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người thuộc hợp tác xã về cơ bản còn thấp hơn so với mức tăng bình quân tiền lương chung làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội (trừ năm 2018). Năm 2018 các hợp tác xã dịch vụ có mức thu nhập bình quân tháng của một lao động cao hơn hẳn các ngành kinh tế khác với 6,6 triệu đồng; trong khi các hợp tác xã nông nghiệp và xây dựng chỉ đạt 3,8 triệu đồng.

Về điều kiện làm việc của người lao động:

Điều kiện làm việc trong các hợp tác xã rất đa dạng và phụ thuộc vào loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, môi trường làm việc có các yếu tố nguy hiểm như sử dụng nguyên vật liệu, phương tiện làm việc dễ gây cháy nổ, điện giật; hoặc độc hại như phải tiếp xúc với nồng độ cao khói, bụi, tiếng ồn, chất, hơi, khí độc... còn tồn tại phổ biến. Những yếu tố này dẫn đến người lao động có nguy cơ cao gặp rủi ro như ốm đau, tai nạn lao động trong quá trình làm việc.

Tình trạng không ký kết hợp đồng lao động diễn ra khá phổ biến đối với những người lao động là thành viên hợp tác xã. Hai đối tượng phổ biến không ký hợp đồng lao động là: (1) các thành viên hợp tác xã tham gia với vai trò vừa là chủ xe góp vốn vào hợp tác xã vận tải, vừa trực tiếp là lái xe hoặc thuê người lái xe. Thay vì ký hợp đồng lao động và nhận lương định kỳ, thường người lao động được thanh toán chi phí ngay sau mỗi chuyến xe. (2) Người lao động được thuê, bao gồm cả phụ nữ và nam giới ở gần độ tuổi nghỉ hưu theo luật định. Đây là một số lượng không nhỏ những người lao động ở khu vực này thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo luật định nhưng đã không tham gia vì không ký kết hợp đồng lao động.

4. Đề xuất giải pháp

Để có thể mở rộng dần diện bao phủ bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với khu vực hợp tác xã phù hợp với tình hình thực tế và trình độ phát triển, Nghị quyết số 28/NQ-TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã định hướng một trong những nội dung cải cách là “rà soát, mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với các nhóm chủ hộ kinh doanh, người quản lý doanh nghiệp, người quản lý, điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương, người lao động làm việc theo chế độ linh hoạt”.

(i) Rà soát, nghiên cứu mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người quản lý, điều hành hợp tác xã không hưởng tiền lương khi

sửa đổi Luật BHXH theo tinh thần Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của BCH Trung ương khóa XII về cải cách chính sách BHXH.

(ii) Nghiên cứu, điều chỉnh chính sách phù hợp, tăng tính hấp dẫn để thu hút sự tham gia của người lao động trong khu vực hợp tác xã gắn với đặc thù của khu vực này là nhiều việc làm không chính thức, thu nhập không ổn định. Một số quy định cần điều chỉnh để tăng tính hấp dẫn của chính sách bao gồm:

- Quy định linh hoạt về điều kiện đối với thời gian đóng bảo hiểm xã hội 20 năm đủ để hưởng lưu hưu hàng tháng

- Nghiên cứu bổ sung chế độ ngắn hạn đối với bảo hiểm xã hội tự nguyện

- Một số thành viên hợp tác xã chỉ hưởng lợi tức từ việc đóng góp cổ phần mà không tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh của hợp tác xã hiện chỉ phù hợp với bảo hiểm xã hội tự nguyện, không phù hợp với bảo hiểm xã hội bắt buộc do khó xác định mức tiền lương làm căn cứ đóng góp. Do đó, cần nghiên cứu quy định đặc thù cho đối tượng này.

(iii) Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật bảo hiểm xã hội với hợp tác xã, người lao động, thành viên hợp tác xã.

(iv) Khuyến khích người lao động tích lũy tiền đóng bảo hiểm xã hội để đủ điều kiện hưởng lương hưu hàng tháng thay vì hưởng bảo hiểm xã hội một lần bằng cách huy động sự hỗ trợ từ địa phương

(v) Triển khai đồng bộ nhiều giải pháp đổi mới, phá triển hợp tác xã, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã; từ đó ổn định việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động./.

Tài liệu tham khảo

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, (2021), Sách trắng hợp tác xã Việt Nam 2021, nhà xuất bản Thống kê

Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Báo cáo quốc hội các năm 2017-2021

Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Báo cáo thường niên 2019, 2020.

Ủy ban Kinh tế của Quốc hội và UNDP tại Việt Nam, (2012), Sự phát triển của hợp tác xã và vai trò của hợp tác xã đối với an sinh xã hội, Báo cáo nghiên cứu RS - 04. 2012.